

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2019

TP Nam Định, tháng 6 năm 2020

Nam Định, ngày tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM
ĐỐC VÀ BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN
KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 13/12/2017.

Căn cứ Quy chế quản lý nội bộ Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 01-2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/04/2019.

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành tại Quyết định số 35A/QĐ-BKS ngày 15 tháng 01 năm 2018

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định (BKS) báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 công tác hoạt động của BKS năm 2019 như sau:

I. MỤC TIÊU KIỂM SOÁT

1. Kiểm soát tuân thủ: Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, kiểm tra tại các Chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng từ đó đề xuất kiến nghị những giải pháp phù hợp cho Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty.

3. Kiểm soát Báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm Soát

Số TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Hồng Phấn	Trưởng ban	13/12/2017	7	100%	
2	Trần Hồng Đức	KSV	13/12/2017	7	100%	
3	Nguyễn Văn Ngôn	KSV	13/12/2017	7	100%	

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Hàng quý Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty.

- Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, giám sát các hoạt động và đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty

- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản; xem xét các chỉ số và tỷ trọng chỉ tiêu hàng quý và năm thông qua các buổi họp định kỳ của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, họp giao ban và các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT và TGD chủ trì để nắm bắt kịp thời tình hình SXKD của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt,

- Phối hợp với các phòng ban trong công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng quản trị, hạn chế và phòng ngừa rủi ro.

3. Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát

Tiền lương thù lao của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ hai ngày 23/04/2019 và Quyết định/QĐ- LĐTTL của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tổng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2019 đối với Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

- Thù lao Trưởng ban kiểm soát: 2.000.000 đ/tháng/người

- Thù lao Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.500.000 đ/tháng/người

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát theo đúng quy định.

4. Tổng hợp các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Cuộc họp lần thứ nhất ngày 07/01/2019: Triển khai kế hoạch soát xét BCTC quý IV/2018

Cuộc họp lần thứ hai ngày 10/04/2019: Thông qua báo cáo giám sát, thông qua kế hoạch giám sát tổ chức ĐHĐCĐ, xây dựng Báo cáo quản trị của Ban Kiểm soát năm 2019.

Cuộc họp lần thứ ba ngày 20/04/2019: Phiên trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý I/2019 của Công ty

Cuộc họp lần thứ tư ngày 10/07/2019: Phiên trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý II/2019 của Công ty

Cuộc họp lần thứ năm 5/10/2019: Phiên trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý III/2019

Cuộc họp lần thứ sáu ngày 25/10/2019: Thông qua các chỉ tiêu BCTC quý III/2019. Soát xét các công trình xây dựng cơ bản dở dang, các khoản công nợ.

Cuộc họp lần thứ 7 ngày 25/12/2019: Tổng kết công tác năm 2019, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên BKS. Trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý IV, cả năm 2019

Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở kiểm soát, Ban kiểm soát nhận thấy Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, không có thiếu sót trọng yếu, các yếu tố rủi ro có thể xảy ra được dự báo trước để có biện pháp phòng ngừa.

5. Đánh giá kết quả từng thành viên.

5.1 Bà Trần Thị Hồng Phần: Trưởng ban

Trưởng ban kiểm soát đã thực hiện đúng quyền và trách nhiệm theo Điều lệ Công ty; Thực hiện triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Kiểm soát; Đề nghị HĐQT, Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin liên quan phục vụ công việc của BKS, tổng hợp và lập báo cáo của Ban kiểm soát sau khi có ý kiến tham khảo của HĐQT và trình lên ĐHĐCĐ, tổng hợp và lập biên bản kiểm soát định kỳ và đột xuất của Ban Kiểm soát, phụ trách và giải quyết trực tiếp các yêu cầu đột xuất theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

Thường xuyên cập nhật các chế độ, quy định của Pháp luật để kiểm tra tính tuân thủ, kiểm soát về công tác đầu tư, sổ sách chứng từ kế toán.

Cùng với các thành viên BKS sâu sát trong việc kiểm soát hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019 bám sát theo định hướng phát triển được ĐHĐCĐ thông qua.

5.2 Ông Trần Hồng Đức – Kiểm soát viên – Thành viên không chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Soát xét BCTC quý, 6 tháng và cả năm
- Kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, hoạt động sản xuất nước.
- Kiểm soát công tác hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước.
- Kiểm soát tiền mặt, ngân hàng, công nợ, vật tư, tài sản ngắn hạn.
- Và các công việc khác theo sự phân công của trưởng ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong công việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên BKS.

5.3 Ông Nguyễn Văn Ngôn – Kiểm soát viên – Thành viên không chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Soát xét BCTC quý, 6 tháng và cả năm
- Kiểm soát việc thực hiện SXKD bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Kiểm soát thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ người lao động.
- Kiểm soát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật: Thuế, phí, BHXH, BHYT, BHTN và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Kiểm soát việc phân chia cổ tức, thời gian chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- Và các công việc khác theo sự phân công của trưởng ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong công việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên BKS.

Trên cơ sở kết quả nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá Tập thể BKS và các thành viên BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; quá trình kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Tổng Giám đốc và các mặt hoạt động khác của Công ty.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD

1. Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019

Ban kiểm soát thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, thống nhất đánh giá kết quả thực Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1.	Sản lượng nước sản xuất	Triệu m ³	27,456	29,507	102,9
2.	Sản lượng nước sạch thương phẩm	Triệu m ³	21,898	21,944	100,2
3.	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	222,1	224,74	101,2
4.	Doanh thu lắp đặt (Khách hàng đầu tư kinh phí)	Tỷ đồng		7,46	
5.	Doanh thu nước Thiên Trường	Tỷ đồng	2,040	2,063	101,0
6.	Doanh thu từ sản phẩm nhựa Composite	Tỷ đồng	1,3	0,014	1,07
7.	Tổng số lao động	Người	524	511	Giảm 2,5%
8.	Tiền lương bình quân/người/tháng	Triệu đ	6,15	6,38	103,7
9.	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	22	32,7	148,6
10.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24,2	29,03	120
11.	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	5	6	120

Nhận xét: Công ty thực hiện thắng lợi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

2. Kết quả giám sát tài chính

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO, xem xét các hồ sơ kế toán đến thời điểm 31/12/2019. Sau khi xem xét, kiểm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2019 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thực hiện hạch toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 200

- Công ty tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty

- Báo cáo tài chính năm 2019 phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty từ 01/01/2019 đến 31/12/2019. Ban Kiểm soát nhất trí với BCTC năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VaCo (WWW.vaco.com.vn).

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2019

(Số liệu được trích từ BCTC đã được kiểm toán)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018	Chênh lệch
A	Tài sản ngắn hạn	73.862.385.605	78.028.000.959	(4.165.615.354)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	41.989.251.217	32.718.188.918	9.271.062.299
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	5.154.201.774	32.485.510.046	(27.340.308.272)
IV	Hàng tồn kho	14.746.463.274	12.822.301.995	1.924.161.279
V	Tài sản ngắn hạn khác	1.981.469.340	2.000.000	1.979.469.340
B	Tài sản dài hạn	429.142.958.586	414.478.739.345	14.664.219.241
I	Tài sản cố định hữu hình	401.316.049.779	382.391.084.447	18.924.965.332
II	Tài sản cố định vô hình	246.867.132	388.140.144	(141.273.012)
III	Tài sản dở dang dài hạn	959.689.263	3.570.724.550	(2.611.035.287)
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	25.620.352.412	28.128.790.204	(2.508.437.792)
	Tổng cộng tài sản	503.005.344.191	492.506.740.304	10.498.603.887
C	Nợ phải trả	133.342.699.288	132.067.171.595	1.275.527.693
I	Nợ ngắn hạn	55.077.248.081	65.300.619.247	(10.223.371.166)
II	Nợ dài hạn	78.265.451.207	66.766.552.348	11.498.898.859
D	Vốn chủ sở hữu	369.662.644.903	360.439.568.709	9.223.076.194
I	Vốn chủ sở hữu	369.662.644.903	360.439.568.709	9.223.076.194
1	Vốn góp của chủ sở hữu	343.117.480.000	343.117.480.000	-
2	Cổ phiếu quỹ	(315.120.000)	(128.270.000)	(186.850.000)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	963.051.108	-	963.051.108
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.897.233.795	17.450.358.709	8.446.875.086
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
	Tổng cộng nguồn vốn	503.005.344.191	492.506.740.304	10.498.603.887

b. Bộ chỉ số đánh giá sức khỏe tài chính của Công ty

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018
I. Cơ cấu tài sản			
1	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	0,853	0,842
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,147	0,158
II. Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Vốn CSH	0,361	0,366
2	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,265	0,268
3	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	0,735	0,731
III. Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/Nợ NH)	1,073	0,803
2	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	1,341	0,961
IV. Hiệu quả			
1	Tỷ suất sinh lợi của tổng tài sản - ROA (LNST/Tổng TS)	5,148%	3,543%
2	Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu - ROE (LNST/Vốn CSH)	7,005%	4,841%
3	Tỷ suất sinh lợi doanh thu thuần - ROS (LNST/Doanh thu thuần)	11,053%	8,201%
4	EPS - Tỷ suất lợi nhuận trên cổ phiếu (LNST/Tổng cổ phiếu) (34.311.748CP)	754,7	508,58
5	BV - Giá trị sổ sách (Tổng Tài sản – TSCĐ vô hình – Tổng nợ)/ Tổng số cổ phiếu lưu hành (34.280.548 CP)	10.776	10.497

Nhận xét: Theo bộ chỉ số trên, phần lớn các chỉ tiêu đều phản ánh tốt sức khỏe tài chính của Công ty.

c. Tình hình các khoản công nợ

* Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	31/12/2019	01/01/2019	Chênh lệch
Phải thu của khách hàng	1.809.124.575	2.219.046.850	(409.922.275)
Trả trước cho người bán	3.098.584.950	26.591.885.698	(23.493.300.748)
Phải thu ngắn hạn khác	1.082.560.969	3.674.577.498	(2.592.016.529)

Nhận xét:

Các khoản nợ phải thu cuối kỳ giảm cho thấy trong năm Công ty đã tích cực trong công tác thu hồi công nợ và không để phát sinh thêm nợ xấu. Tuy nhiên vẫn còn một số khoản công nợ phải thu của khách hàng cũng như khoản ứng trước cho người bán tồn đọng từ lâu chưa thu hồi được liên quan đến một số dự án cấp nước. Công ty cũng đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là: 845.068.720 đ, đề nghị Công ty xem xét đánh giá và có hướng xử lý thu hồi các khoản công nợ này.

*Các khoản phải trả:

Chỉ tiêu	31/12/2019	01/01/2019	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn	55.077.248.081	65.300.619.247	(10.223.371.166)
Nợ dài hạn	78.265.451.207	66.766.552.348	11.498.898.859

d. Công tác đầu tư XD CB

Trên cơ sở các dự án, công trình đầu tư XD CB được HĐQT đã phê duyệt chủ trương đầu tư.

*Các công trình hoàn thành qua TK XD CB trong năm 2019

- Tổng số công trình: 64

- Tổng giá trị: 85.348.997.473 đồng

(Có danh sách chi tiết kèm theo- Phụ lục 01)

b, Các công trình còn dở dang trên TK 154 chuyển tiếp năm 2020

- Tổng số công trình: 315

- Tổng giá trị dở dang: 5.932.720.454 đồng

(Có danh sách chi tiết kèm theo- Phụ lục 02)

Nhận xét: Trên cơ sở kiểm soát, Ban Kiểm soát nhận thấy phần lớn các công trình triển khai đúng tiến độ. Tuy nhiên một số công trình nhỏ lẻ đã thi công xong vẫn chưa quyết toán nguyên nhân do vướng mắc về hồ sơ quyết toán, đơn vị thi công hiện đang hoàn thiện và quyết toán dứt điểm trong quý I/2020.

e. TSCĐ tăng trong năm : **85.879.959.111 đồng**

Trong đó:

- TSCĐ tăng từ đầu tư XD CB hoàn thành: 84.230.225.293 đồng

- TSCĐ tăng từ mua sắm trong năm: 1.649.733.818 đồng

(Có danh sách chi tiết kèm theo – Phụ lục 03)

3. Giám sát việc thực hiện Nội quy, quy chế và đảm bảo chế độ, quyền lợi của người lao động

Năm 2019, Công ty đã xây dựng được hệ thống các quy chế quản lý nội bộ: Quy chế về quản trị Công ty, Quy chế thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, Quy chế điều hành sản xuất kinh doanh, Quy chế về tổ chức và hoạt động, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động.... Trong năm qua Công ty đã tuân thủ đúng và nghiêm chỉnh các quy định trong điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ và các quy định khác của pháp luật

Các chế độ quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng Luật lao động; việc chi trả lương hàng tháng thực hiện đúng thời gian quy định, các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ, thu nhập của người lao động được đảm bảo ổn định và cao hơn kế hoạch.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

1. Đối với HĐQT

HĐQT đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 13/12/2017. HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp, ban hành 7 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành, được sự thống nhất cao của các thành viên.

2. Đối với Ban điều hành

Ban điều hành đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của pháp luật, chỉ đạo quyết liệt chi tiết, cụ thể kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc điều hành SXKD; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

3. Đối với cổ đông

Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 01-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019 cụ thể:

- Chi trả cho cổ đông tổ chức: 6.345.929.250 đồng
- Chi trả cho cổ đông cá nhân: 1.365.506.800 đồng
- Nộp tiền cổ tức vốn Nhà nước : 7.642.941.750 đồng

(Số tiền trên chưa bao gồm 71.868.780 đồng tiền thuế TNCN 5% từ tiền cổ tức của các cổ đông)

Số cổ tức chưa chi trả : 14.040.021 đồng

Trong quá trình trả cổ tức BKS phối hợp với Công ty giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các cổ đông.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát luôn luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác trong các hoạt động của Ban. Sẵn sàng tiếp nhận thông tin kiểm tra xem xét khi có yêu cầu của HĐQT, của Ban Giám đốc và các cổ đông.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, quyết định cho BKS, tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, giúp BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

V. KIẾN NGHỊ

- Một số vật tư tồn kho lâu ngày với giá trị ước tính: 1.529.702.388 đồng, cuối năm 2019 Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với số vật tư này theo quy định của Bộ Tài chính. Đề nghị Công ty xem xét và có biện pháp xử lý đối với các nguyên liệu, vật liệu lạc hậu không cần dùng này.

- Quản lý tốt công tác đầu tư XD CB, tập trung cao độ các nguồn lực cho việc đầu tư xây dựng một số dự án trọng điểm về cấp nước nâng công suất và cải tạo nguồn nước phục vụ nhu cầu sử dụng của khách hàng, phát triển khách hàng mới. Đối với một số công trình lắp

đặt triển khai thi công từ lâu đến nay vẫn chưa hoàn thành quyết toán, đề nghị Công ty đơn đốc các đơn vị thi công thực hiện quyết toán dứt điểm, đưa công trình vào sử dụng.

- Quản lý và tiết giảm chi phí, tiết kiệm chi tiêu và duy trì thu nhập cho người lao động.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

- Xem xét kế hoạch SXKD của Công ty năm 2020;
- Thẩm định BCTC quý, bán niên và cả năm 2020;
- Tham gia công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Xây dựng báo cáo quản trị 6 tháng, cả năm và báo cáo thường niên trình ĐHĐCĐ
- Đánh giá lại cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ
- Đề xuất lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2020
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về phân chia cổ tức năm 2019 và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020;
- Thực hiện chương trình soát xét:
 1. Soát xét chi phí tiền lương, chi phí lãi vay, chi phí khấu hao TSCĐ toàn Công ty năm 2020
 2. Soát xét trực tiếp tại một số chi nhánh trực thuộc.
 3. Soát xét lại tính hợp lý của toàn bộ các quy chế, văn bản quản lý nội bộ của Công ty ban hành xem còn phù hợp với năm 2020 hay không
 4. Soát xét về công tác đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa TSCĐ
- Tổng kết công tác Ban kiểm soát năm 2020

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên BKS năm 2019.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Nơi nhận:

- Tài liệu ĐHĐCĐ
- HĐQT
- Ban TGD
- Ban KS
- Lưu BKS



Trần Thị Hồng Phấn

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH XD CB HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2019

Phụ lục 01

STT	Tên hạng mục, công trình	Số tiền	Ghi chú
1	BS d/chuyển x lý 3000m3/ngđ-CT nâng công suất khu xử lý nước Vụ Bản từ 7000m3/ng lên 10000m3/ngđ	4 414 192 317	
2	BS dây chuyển xử lý nước CS 3000m3ngđ nâng CS NM Cát Thành từ 1200m3ngđ lên 4200m3 ngđ	4 496 125 645	
3	Bổ sung van xả khí trên tuyến ống nước thô chi nhánh ý Yên	5 635 576	
4	CT XD hàng rào+san lấp khu vực Trạm bơm cấp I CN cấp nước sạch Trục Ninh II	4 000 000	
5	CT nối mạng phát triển khách hàng xóm 1 xã Trục Hưng	183 761 980	
6	CT sửa chữa đường ống hút DN 800 Trạm bơm cấp I	186 371 926	
7	Cung cấp, lắp đặt tủ điện biến tần CS 160 KW tại trạm bơm nước thô mới NMN Vụ Bản	534 578 000	
8	Cải tạo,nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Cát Đằng đến TT.Lâm	71 848 584	
9	Cấp nguồn điện ưu tiên cho hệ thống máy chủ quản lý khách hàng	11 402 319	
10	Di chuyển đường dây 0,4kv TBA Vĩnh Hào 1 xã Vĩnh Hào - huyện Vụ Bản	60 900 000	
11	Dịch chuyển 170 cụm ĐHố tư gia trong tường bao ra ngoài	77 929 250	
12	Dịch chuyển 265 cụm ĐHố khách hàng trong tường bao ra ngoài	135 316 506	
13	Dịch chuyển thay thế tuyến ống dịch vụ KV thôn Tiền xã Liên Minh phục vụ GPMB	76 338 124	
14	Dịch chuyển tuyến ống HDPE OD90-63 bị ảnh hưởng bởi dự án làm đường	32 778 532	
15	Dịch chuyển tuyến ống nước sạch,nâng cấp đường Thành Xá-H.ý Yên	301 324 878	
16	Dịch chuyển tuyến ống uPVC OD140 cho cụm công nghiệp-TT cổ Lễ	39 399 184	
17	Dịch chuyển đường trục cấp nước phục vụ công tác cải tạo đường	46 918 408	
18	Dịch chuyển ống dịch vụ đoạn từ ủy ban xã Trục Đạo đến cầu chợ sở	48 271 900	
19	Dịch chuyển,thay thế 44 cụm ĐHố DN15	25 226 781	
20	Dự án XDCT nước thô mới cho nhà máy nước sạch Vụ Bản	69 600 467 543	
21	Hệ thống van và LĐ ĐH đo lưu lượng đ/tử cho tuyến ống đẩy Trạm bơm nước thô	214 269 229	
22	LĐ bổ xung tuyến cáp hạ thế+ATM tổng 800A nâng cao công suất truyền tải	138 916 000	
23	LĐ cụm ĐH xã Yên Bình,Yên Khánh,khu TT A+B+C+D LĐ điểm xả cận cho YY,dây chuyển xử lý 2400m3/ng	257 487 250	
24	Lắp dựng hàng rào dây thép gai Trạm cấp nước Trục Nội	35 527 273	
25	Lắp đặt bơm rửa lọc cho Trạm bơm Trục Nội	149 000 000	
26	Lắp đặt bơm rửa lọc cho Trạm bơm Trục Nội	22 226 676	

STT	Tên hạng mục, công trình	Số tiền	Ghi chú
27	Lắp đặt máy bơm định lượng hóa chất	35 614 330	
28	Lắp đặt thay thế tuyến ống HDPE OD75 không đảm bảo yêu cầu quản lý	19 593 918	
29	Lắp đặt thay thế ĐHô tổng cho xã Yên Bình, Xã Yên Khánh	36 834 296	
30	Lắp đặt tuyến ống HDPE-PE80-OD32 thay thế tuyến ống thép tráng kẽm DN20 ko đảm bảo y/cầu	5 786 410	
31	Lắp đặt tuyến ống HDPE-PE80-OD40 PN10 thay thế tuyến ống HDPE OD40 không đảm bảo yêu cầu kỹ thu	16 191 768	
32	Lắp đặt tuyến ống HDPE-PE80-OD63, OD50 để phát triển khách hàng	38 821 941	
33	Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE-PE80-OD50 Tiền Phong	23 173 375	
34	Lắp đặt tuyến ống cấp nước cho khách hàng thuộc tuyến ống Đường Đại Lộ Thiên Trường	1 076 394 637	
35	Lắp đặt đường trục HDPE-PE80-OD40, PN 10	6 398 342	
36	Lắp đặt đường trục cho khu giãn dân máng Kênh Tây	22 567 091	
37	Lắp đặt đường trục cấp nước HDPE OD50-40 cho 8 hộ gia đình	22 507 715	
38	Lắp đặt đường trục cấp nước HDPE-PE80-OD40-PN10 Tiền phong	6 340 028	
39	Lắp đặt đường trục cấp nước HDPE-PE80-OD50, PN10	13 870 064	
40	Lắp đặt đường trục cấp nước HDPE-PE80-OD63 để tăng cường nguồn cấp nước	7 673 197	
41	Lắp đặt đường trục cấp nước HDPE-PE80-OD75 và OD50 PN10	61 075 087	
42	Lắp đặt đường trục cấp nước cho khu dân cư ngách 2/208	2 171 544	
43	Lắp đặt đường trục cấp nước cho khu dân cư ngõ 28 Đ. Nguyễn Thi	6 057 216	
44	Lắp đặt đường trục cấp nước cho khu dân cư ngõ 294 Đ. Kênh	3 333 925	
45	Lắp đặt đường trục cấp nước ngõ 125 Đ. Cầu Đông	4 345 605	
46	Lắp đặt đường trục cấp nước phát triển khách hàng ngách 37/183	3 744 484	
47	Nâng cấp đường trục cấp nước khu dân cư ngõ 95 Đường Bái	36 721 065	
48	Nối mạng phát triển khách hàng khu vực Kênh Hội xã Yên Tiến	547 285 139	
49	Thay thế 250 cụm ĐHô DN15 đến niên hạn kiểm định	244 746 431	
50	Thay thế 250 cụm ĐHô DN15 đến niên hạn kiểm định (Đợt 1)	244 217 896	
51	Thay thế tuyến ống UPVC DN110 bằng tuyến ống nhựa HDPE 90 và LD tuyến ống HDPE 75	90 896 293	
52	Thay thế tuyến ống thép DN 150 bằng ống HDPE OD160	25 556 590	
53	Thay thế van DB250 ngã 3 đường Trần Nhân Tông - Nguyễn Trãi	80 473 305	
54	Thay thế van DN250 trước cửa số nhà 01 đường Hoàng Diệu	81 951 597	
55	Thay thế van DN400 trước cửa số nhà 99 đường Hàng Cáp	186 227 758	
56	Thay thế, dịch chuyển tuyến ống HDPE OD63-25	42 265 711	
	Thay thế, dịch chuyển tuyến ống cấp nước HDPE OD90-25 từ		

STT	Tên hạng mục, công trình	Số tiền	Ghi chú
58	Thay thế,dịch chuyển tuyến ống cấp nước HDPE OD90-32	48 846 447	
59	XL dịch chuyển tuyến ống cấp nước do cải tạo,NC đường từ cống Mỹ Tho đến QL21A	312 654 347	
60	XL dịch chuyển&LĐ bổ sung tuyến ống cấp nước do cải tạo nâng cấp đường ngõ	106 957 214	
61	Xây dựng hệ thống cấp nước khu TĐC P.Cửa Nam	11 222 383	
62	Xử lý dịch chuyển tuyến ống uPVC D160 do ảnh hưởng việc xây dựng tường rào mở rộng khu xử lý rá	87 206 787	
63	Đường trục khu vực Xóm 3 - Mỹ xá	3 775 035	
64	Đấu nối tuyến ống nước thô HDPE-OD560 mới về KXL CN cấp nước Vụ Bản	537 997 043	
	Tổng cộng	85 348 997 473	

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÒN DỒ DANG TRÊN TK 154 CHUYỂN SANG NĂM 2020

Phụ lục 02

STT	Tên hạng mục, công trình	Số tiền	Ghi chú
	Các công trình tư gia và công trình khác có giá dưới 100 triệu (300 hạng mục, công trình)	1.461.495.081	
	Các công trình có giá trị trên 100 triệu	4.471.225.373	
1	Xly d.chuyển và thay mới tuyến ống cấp nước hiện có đoạn từ Cầu Viêng rẽ về KCN Mỹ Trung	125.764.903	
2	Lắp đặt tuyến ống HDPE-PE80-OD90 để tăng cường cấp nước cho Thôn Bái - P. Lộc Vượng	117.002.663	
3	Lắp đặt tuyến ống cấp nước cho KĐT thị trấn Gôi - huyện Vụ Bản	235.682.849	
4	Lắp đặt tuyến ống để tăng cường nguồn cấp nước cho tuyến ống đường Đại lộ Thiên Trường	845.199.420	
5	Thay thế 158 cụm đồng hồ DN15 đến niên hạn kiểm định	151.701.677	
6	Thay thế 238 cụm ĐH DN15 đến niên hạn kiểm định	145.568.203	
7	Thay thế 250 cụm ĐH đến niên hạn kiểm định (Đợt 2)	173.907.634	
8	Thay thế và cải tạo 250 cụm đồng hồ gia đình	190.797.892	
9	Gói thầu: TC hệ thống c.nước lô 11-13 khu ĐTM Mỹ Trung B và lô 22-26 Khu ĐTM Mỹ Trung A	463.338.183	
10	Gói thầu:Cung cấp VT và TC hệ thống c.nước lô CL36-CL42. CT:Hạ tầng KT-KĐTM Mỹ Trung-TPNĐ	438.246.059	
11	Gói thầu:Cung cấp VT và TC hệ thống c.nước lô CL48-CL55. CT:Hạ tầng KT-KĐTM Mỹ Trung-TPNĐ	904.691.970	
12	Thay thế 250 cụm ĐH nước đến niên hạn kiểm định	172.551.542	
13	Thay thế&cải tạo 188 cụm Đhồ gia đình	130.663.312	
14	Thay thế&cải tạo 254 cụm Đhồ gia đình	167.054.443	
15	Lắp đặt bơm rửa lọc cho Trạm bơm Trục Nội	209.054.623	
	Cộng	5.932.720.454	

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC TSCĐ TĂNG TRONG NĂM 2019

Phụ lục 03

STT	Tên hạng mục công trình, TSCĐ	Số tiền	Ghi chú
	TSCĐ hình thành qua XDCB	84.230.225.293	
1	DC, thay thế t/ống DV khu vực thôn Tiên - xã Liên Minh PV giải phóng mặt bằng - Huyện Vụ Bản	76.338.124	
2	LD hàng rào dây thép gai trạm bơm cấp nước Trục Nội - Huyện Trục Ninh	35.527.273	
3	XLDC t/ổ CNSH (đoạn từ cống Mỹ Tho đến quốc lộ 21A) xã Mỹ thành + Mỹ Lộc	312.654.347	
4	LĐ thay thế t/ổ UPVCDN110= t/ổ HDPE80-OD90 và LĐ t/ổ PE80-OD75 thôn đa mẽ tây xã mỹ thành	90.896.293	
5	LĐ t/ổ PE80-OD63,50 phát triển KH dùng nước hệ đường Ngõ Sỷ Liên (đoạn từ N C Trứ đến Đ10)	38.821.941	
6	Tuyến ống F800 dẫn nước thô	57.499.383	
7	T/ống gang DN200 và t/o UPVC-OD225 nước thô = t/o PEOD355 từ Cầu BQuỹ đến Bến mới (nút10-11)	5.635.576	
8	Thay thế cửa chính nhà hội trường lớn Công ty	64.554.523	
9	Tuyến ống F800 dẫn nước thô	128.872.543	
10	Đường trục xóm 3 - Mỹ Xá	3.775.035	
11	Hệ thống van và lắp đặt ĐH đo lưu lượng điện từ cho tuyến ống đẩy trạm bơm nước thô	214.269.229	
12	NCS KXL nước Vụ Bản từ 7000m3/ngđ lên 10000m3/ngđ	3.644.980.909	
13	Lắp đặt tuyến ống cấp nước cho khách hàng thuộc tuyến ống Đường Đại Lộ Thiên Trường	1.021.219.497	
14	TT,DC t/ổ cấp nước HDPEOD90-25 PVTC từ thôn Báng Già đến thôn Tân Phương - xã Kim Thái - VB	76.277.578	
15	Đường dây trung thế và trạm biến áp + trạm bơm nước thô +cp khác (nhà máy nước thô VB)	1.599.941.128	
16	Nhà trạm nước thô Vụ Bản + chi phí khác (nhà máy nước thô VB)	5.089.457.379	
17	Đường dây trung thế và trạm biến áp + trạm bơm nước thô +cp khác (nhà máy nước thô VB)	38.056.470	
18	Tủ biến tần CS160 kw tại trạm bơm nước thô NMN Vụ Bản	534.578.000	
19	Máy móc tb+cp (bơm ly tâm Q= 465m3 =2c, chân không =2c, rò rỉ =1c) (nhà máy nước thô VB)	3.304.451.891	
20	Tuyến ống nước thô + chi phí khác (nhà máy nước thô VB)	59.568.560.675	
21	DC t/ổ bị AH , NC đường Thành Xá - xã Yên Khánh + xã Yên bình - Huyện ý yên	301.324.878	
22	DC ống dịch vụ từ UBND xã Trục Đạo đến cầu chợ sỏ PV giải phóng mặt bằng - H. Trục Ninh	48.271.900	
23	Nội mạng phát triển khách hàng xóm 1 - xã Trục Hưng - Huyện Trục Hưng	183.761.980	
24	Lắp đặt máy bơm định lượng hóa chất OBL	35.614.330	
25	LĐ cụm ĐHT xã Y Bình, Y Khánh và khu TT A+B+C+D, LĐ điểm xã		

STT	Tên hạng mục công trình, TSCĐ	Số tiền	Ghi chú
26	CT,DC tuyến ống nước bị AH bởi dự án CTNC tuyến đường từ ngã 3 Cát Đằng đến TT Lâm - ý yên	71.848.584	
27	TT, DC tuyến đường HDPE-OD63-25 AH CTNC tuyến đường từ Đ 10 đi UBND xã đến Chợ Hàu xã Liên Minh	42.265.711	
28	XLDC t/ổ UPVCD160 do AH việc XD tường rào KXL rác TP xã Mỹ Thành - Mỹ Lộc - NĐ	87.206.787	
29	TT, ĐC t/ổ cấp nước HDPE90-32 phục vụ t/c tuyến ống đường QL10 đến tổ dân phố Văn Côi	48.846.447	
30	NCS KXL nước Vụ Bản từ 7000m3/ngđ lên 10000m3/ngđ	91.027.091	
31	LĐ máy bơm nước rửa lọc cho trạm bơm Trục Nội (Máy bơm ly tâm trục ngang Q380m3/h	149.000.000	
32	Lắp đặt tuyến ống cấp nước cho khách hàng thuộc tuyến ống Đường Đại Lộ Thiên Trường	55.175.140	
33	LĐ đường trục cấp nuwosc HDPE-PE80-OD75 và OD50, PN10 Đồng Mỹ Nam - Thôn VĐương- M Xá	61.075.087	
34	LĐ bổ xung tuyến cấp hạ thế + ATM tổng 800A NCCS truyền tải trạm bơm cấp I Liên Hà	138.916.000	
35	BS dây chuyền XL nước CS 3.000m3/nd - NCS nhà máy nước Cát Thành từ 1200m3/nd lên 4.200m3/nd	3.505.852.727	
36	NMCN phát triển KH khu vực kênh hội xã Yên Tiến	547.285.139	
37	XLDC và LDDBS tuyến ống cấp nước do cải tạo, NC đường ngõ 15,16 P. Lộc Vượng	106.957.214	
38	Thay thế van DN400 trước cửa số nhà 99 đường Hàng Cáp	171.191.428	
39	BS dây chuyền XL nước NCS 3.000m3/nd - Dự án :NCS KXL nước Vụ Bản từ 7.000m3/nd lên 10.000m3/n	27.930.909	
40	Thay thế van DN250 ngã 3 đường Trần Nhân Tông - Nguyễn Trãi	75.084.760	
41	Đầu nối tuyến ống nước thô HDPE-OD560 mới về KXL CN cấp nước Vụ Bản	496.885.101	
42	Thay thế van DN250 trước cửa số nhà 1 đường Hoàng Diệu	6.086.699	
43	Thay thế van DN400 trước cửa số nhà 99 đường Hàng Cáp	15.036.330	
44	Thay thế van DN250 ngã 3 đường Trần Nhân Tông - Nguyễn Trãi	5.388.545	
45	BS dây chuyền XL nước NCS 3.000m3/nd - Dự án :NCS KXL nước Vụ Bản từ 7.000m3/nd lên 10.000m3/n	650.253.408	
46	Đầu nối tuyến ống nước thô HDPE-OD560 mới về KXL CN cấp nước Vụ Bản	41.111.942	
47	Thay thế van DN250 trước cửa số nhà 1 đường Hoàng Diệu	75.864.898	
48	CT nâng CS dây chuyền XL nước 1.200m3/nd lên 2.400m3/nd - Nhà máy nước Trục Nội - XN Trục Ni	990.272.918	
49	LĐ, TT ĐHT cho xã Yên Bình, xã Yên Khánh - Huyện ý Yên - Tỉnh Nam Định	36.834.296	
	TSCĐ hình thành do mua sắm	1.649.733.818	
50	LĐ biển báo hiệu đường thủy nội địa (thuộc XD tuyến ống nước thô D800 (nhà máy nước thô VB)	32.181.818	
51	Phần mềm Windows server 2016 64b (Bộ máy chủ và thiết bị bảo mật mạng)	33.500.000	

STT	Tên hạng mục công trình, TSCĐ	Số tiền	Ghi chú
52	Phần mềm sao lưu , phục hồi dữ liệu tự động (Bộ máy chủ và thiết bị bảo mật mạng)040349	25.000.000	
53	Máy chủ HPDL 380 GIO RAM32G (Bộ máy chủ và thiết bị bảo mật mạng)	114.000.000	
54	Lưu điện Santax 2KVA (Bộ máy chủ và thiết bị bảo mật mạng)	20.000.000	
55	Ổ cứng lưu trữ NAS western digital my cloud FX4100 (Bộ máy chủ và thiết bị bảo mật mạng)	19.600.000	
56	Thiết bị tường lửa Firewall Draytek vigor3900 (Bộ máy chủ và thiết bị bảo mật mạng)	56.900.000	
57	Xe ô tô CAMRY ASV70L - JETQKU - Số xe - 18A-15148	1.315.552.000	
58	Tủ hút khí độc w1200xD750xH2150mm	33.000.000	
	Tổng cộng	85.879.959.111	